TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2024
Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Để.

2. Bà Hồ Thị Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Trúc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc *"Ly hôn và nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Quách Thị P, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: số G L, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Anh Lê Trung K, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(*Chị P có mặt. Anh K vắng mặt lần 02 không lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Anh chị cưới nhau và có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A. Trong quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, có được 02 người

con là Lê Thị Bảo C, sinh ngày 13/11/2005 và Lê Trung N, sinh ngày 19/6/2015. Nhưng sau này cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cãi vã. Mặc dù, vợ chồng anh chị đã cố gắng khắc phục nhưng không thành và đã ly thân khoảng 01 năm nay. Nay chị P yêu cầu ly hôn với anh K. Con chung là Lê Thị Bảo C đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét, con chung Lê Trung N hiện nay đang sống với anh K, chị P đồng ý giao con cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, chị P không cấp dưỡng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn anh Lê Trung K vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P và giao Lê Trung N cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị P yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị P yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn và nuôi con"*.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hai lần để xét xử nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh K.

[2] Năm 2010 anh K và chị P đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2023 đến nay.

Xét thấy, anh chị mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi. Anh chị là vợ chồng nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau là vi phạm Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh K đều vắng mặt nên mục đích hàn gắn không

thành. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc cho chị P được ly hôn với anh K.

[3] Anh chị có hai người con chung là Lê Thị Bảo C, sinh ngày 13/11/2005 đã đủ tuổi trưởng thành nên không xét và Lê Trung N, sinh ngày 19/6/2015, hiện tại anh K đang nuôi dưỡng và chị P không có yêu cầu nuôi con mà thống nhất tiếp tục giao cho anh K nuôi con. Hội đồng xét xử thống nhất giao Lê Trung N cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị P trình bày không tài sản và nợ chung, không yêu cầu vấn đề gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Quách Thị P đối với anh Lê Trung K. Cho chị P được ly hôn với anh K.

2- Về con chung: Giao con chung là Lê Trung N, sinh năm 19/6/2015 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp anh K vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì chị P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị Quách Thị Phương C1 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004939 ngày 04/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4- Chị P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Tân Thạnh, huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận